

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc đưa 03 điểm mỏ cát trên sông Luông, đoạn thuộc các xã: Na Mèo,
Sơn Thủy, Mường Mìn, huyện Quan Sơn ra khỏi khu vực không
đấu giá quyền khai thác khoáng sản**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

*Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.*

*Căn cứ Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ quy
định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông;*

*Căn cứ Chỉ thị số 38/CT-TTg ngày 29/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về
việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm
dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản;*

*Căn cứ Kế hoạch số 71-KH/TU ngày 31/5/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh
ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW của Bộ Chính trị về định hướng
chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm
nhìn đến năm 2045;*

*Căn cứ Quyết định số 2693/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 của UBND tỉnh về
việc phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm
quyền cấp phép của UBND tỉnh Thanh Hóa;*

*Căn cứ Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 08/5/2024 của UBND tỉnh về
việc đóng cửa 03 điểm mỏ cát trên sông Luông đoạn thuộc các xã: Mường Mìn,
Sơn Thủy và Na Mèo, huyện Quan Sơn của Công ty TNHH Tùng Đạt Quan Sơn;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
07/TTr-STNMT ngày 06/01/2025.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đưa 03 điểm mỏ cát trên sông Luồng có diện tích 6.500 m² tại các xã: Mường Mìn, Sơn Thủy và Na Mèo, huyện Quan Sơn (*xã Mường Mìn: 3.000 m², xã Sơn Thủy: 2.000 m², xã Na Mèo: 1.500 m²*) ra khỏi khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh Thanh Hóa đã được phê duyệt tại Quyết định số 2693/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 (*vị trí, tọa độ có Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và các địa phương tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, cấp phép hoạt động khoáng sản đối với khu vực mỏ khoáng sản nêu trên đảm bảo các thủ tục, trình tự theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Ủy ban nhân dân huyện Quan Sơn có trách nhiệm bảo vệ khoáng sản chưa khai thác tại các khu vực mỏ khoáng sản nêu trên theo quy định; phối hợp với các cơ quan chức năng trong việc giải quyết các vấn đề có liên quan đến hoạt động khoáng sản theo thẩm quyền.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Công Thương; Chủ tịch UBND huyện Quan Sơn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC MỎ ĐƯA RA KHỎI KHU VỰC
KHÔNG ĐÁU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

(Phụ lục kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

TT	Vị trí mỏ	Loại khoáng sản	Diện tích (m ²)	Tọa độ các điểm góc
1	Xã Mường Mìn	Cát	3.000	2245 537.02 - 474 335.59; 2245 648.28 - 474 344.13; 2245 648.07 - 474 365.71; 2245 536.35 - 474 367.80.
2	Xã Sơn Thủy		2.000	2245 894.99 - 470 410.16; 2245 941.95 - 470 437.55; 2245 964.14 - 470 465.93; 2245 981.65 - 470 451.78; 2245 956.45 - 470 421.81; 2245 905.89 - 470 392.31.
3	Xã Na Mèo		1.500	2244 222.54 - 463 301.00; 2244 254.76 - 463 331.23; 2244 296.71 - 463 345.00; 2244 302.34 - 463 329.76; 2244 265.92 - 463 313.15; 2244 229.97 - 463 291.08.